TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/TCDS-ST
Ngày 13/6/2019
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương.

2. Ông Lò Văn Khẹt.

- Thư ký phiên toà: Bà Quàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 4 năm 2019, ngày 22 tháng 5 năm 2019 và ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST–DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp thừa kế tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Anh LVH, sinh năm 1973, trú tại: Bản PC, xã CL, huyện ML, tỉnh SL;

Anh LVH, sinh năm 1975, trú tại: Bản HP, xã CL, huyện ML, tỉnh SL.

2. Bị đơn:

Chị CTY, sinh năm 1980, trú tại: Bản NV, xã CL, huyện ML, tỉnh SL.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh CVH, sinh 1982, trú tại: Bản NV, xã CL, huyện ML, tỉnh SL, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/4/2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị LTT, trú tại: Bản L, xã CL, huyện ML, tỉnh SL.

Người đại diện hợp pháp: Anh LVB(chồng), trú tại: Bản L, xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 03/6/2019.

Chị LTT, trú tại: Bản L, xã CL, huyện ML, tỉnh SL.

Anh LVPvà LVN, trú tại: Bản HP, xã CL, huyện ML, tỉnh SL.

Chị LTH, anh LVG, trú tại: Bản NS, xã CL, huyện ML, tỉnh SL.

Anh QVT, chị QTT, chị QTT, trú tại: Bản X, xã CL, huyện ML, tỉnh SL.

Người đại diện hợp pháp: Anh QVL(bố), trú tại: Bản Xu Xàm, xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 03/6/2019.

Anh LVM, sinh năm 2000 và anh LVN, sinh ngày 12/01/2003, trú tại: Bản NV, xã CL, huyện ML, tỉnh SL.

Người đại diện hợp pháp: Chị CTY (mẹ đẻ), trú tại: Bản NV, xã CL, huyện ML, tỉnh SL.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

4. Người làm chứng:

Ông Lường Văn Q, sinh 1977, trú tại: Bản PC, xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt;

Ông Quàng Văn P, sinh 1953, trú tại: Bản Cun, xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt;

Ông Lò Văn N, sinh 1943, trú tại: Bản PC, xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt;

Ông CVK, sinh 1963, trú tại: Bản NS, xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt;

Ông Lường Văn Q, sinh 1975, trú tại: Bản Su Sàm, xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

5. Người phiên dịch: Ông Lò Văn Bang, cán bộ nghỉ hưu, trú tại: Tiểu khu 3, thị trấn Ít Ong, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh LVH, anh LVH trình bày:

Năm 2012 - 2014 Nhà nước hỗ trợ đất đai cho các hộ tái định cư điểm tái định cư NV, xã CL, huyện ML theo công văn 883/TTg-KTN ngày 20/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Hỗ trợ bù chênh đất đai cho các hộ tái định cư thủy điện SL. Hộ chị CTY con dâu bà LTA (Lò Thị Anh) có diện tích đất ít không đủ bù chênh, nên gia đình thống nhất gộp đất của chị CTY với đất của hộ bà LTA, do tuổi cao nên để chị CTY đứng tên áp giá, nhận tiền. Gia đình thống nhất khi được đền bù tiền sẽ chia nhau trước sự thống nhất của cả gia đình và có sự chứng kiến của họ hàng, chính quyền bản. Sau khi nhận tiền đền bù đợt 1, gia đình thỏa thuận phân

chia số tiền theo biên bản ngày 29/9/2013 và đã chia xong như sau: Số tiền đền bù đợt 1 là 107.715.000, đồng như sau: Phần bà LTA 6.000.000, đồng; LVH 15.840.000, đồng; phần LVH 5 nhân khẩu 53.876.000, đồng; phần chị CTY 3 nhân khẩu 32.202.000, đồng. Đợt 2 cũng sẽ chia như đợt 1.

Đợt 2 chị CTY lĩnh tiền là 108.995.040, đồng nhưng không chia trả tiền cho các gia đình như thỏa thuận.

Nguyên đơn: Anh LVH yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị CTY phải trả cho gia đình ông số tiền hỗ trợ bù chênh đất đai là 54.471.900, đồng; Anh LVH yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị CTY phải trả cho gia đình ông số tiền hỗ trợ bù chênh đất đai là 15.840.000, đồng. Phần của bà LTA là 6.000.000, đồng anh LVH nhận.

Nguyên đơn đưa ra tài liệu chứng cứ gồm: 02 phiếu chi ngày 05/4/2014; ngày 17/6/2014 chị CTY nhận tiền hỗ trợ đất đai theo công văn 883/TTg-KTN ngày 20/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 96 ngày 15/01/2014 V/v phê duyệt phương án hỗ trợ theo công văn 883/TTg-KTN ngày 20/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, kèm theo phụ biểu; biên bản ngày 29/9/2013 về thỏa thuận chia tiền hỗ trợ đền bù đất.

Bị đơn chị CTY trình bày: Ngày 15/7/2013 chị nhận được tiền hỗ trợ đền bù chênh đất đợt 1 là 107.715,000, đồng sau khi nhận số tiền chị cho rằng đã bị ép buộc chia tiền theo biên bản thỏa thuận ngày 29/9/2013. Chị cho rằng số đất được đền bù là của riêng gia đình chị không phải của chung hộ bà LTA (mẹ chồng). Chị nhận tiền lần 2 là 108.995.040, đồng và không nhất trí chia theo thỏa thuận.

Tại phiên toà chị CTY xác nhận chị kết hôn với anh LVHnăm 1999. Hai vợ chồng có hai con là LVM, sinh năm 2000 và LVN, sinh năm 2003, sau khi kết hôn hai vợ chồng ở với bố mẹ chồng là ông LVO, bà LTA ở bản PC, xã CL, huyện ML, tỉnh SL (ông LVO chết năm 2005, bà LTA chết năm 2013, anh LVHchết năm 2006).

Tại bản tự khai bổ sung ngày 26/5/2019 chị CTY trình bày: Trước khi làm thủ tục đền bù di dân thủy điện bà LTA đã làm thủ tục chuyển nhượng cho chị nhà ở, đất đai, hoa màu, 2 con trâu. Nhưng chỉ chuyển nhượng bằng miệng không có văn bản giấy tờ gì. Khi chuyển nhượng có sự tham gia bàn bạc của chị LTH và chồng là LVG.

Theo chị CTY khi bà LTA còn sống các tài sản người khác lấy như sau:

Nhà 3 gian 2 trái anh LVHlấy;

Hai con trâu bà LTA và anh LVH lấy;

Tiền hỗ trợ lương thực và hỗ trợ sản xuất anh LVH lấy;

Tiền cây cối lâu năm 42 triệu đồng anh LVH lấy;

Tiền hỗ trợ mặt nước 17 triệu đồng anh LVH lấy;

Tiền hỗ trợ đất ao 900m^2 và đất ở 400m^2 anh LVH lấy.

Tại phiên toà nguyên đơn anh LVH, LVH, bị đơn chị CTY, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị LTT, chị LTT, LTH, QVLđều công nhận nguồn gốc đất 31.716,1m^2 ở bản PC, xã CL, huyện ML, tỉnh SL mà chị CTY đứng tên nhận tiền đền bù là của ông LVO, bà LTA có trước khi chị CTY về làm dâu và ở cùng.

Nguyên đơn anh LVH, anh LVH, anh LVPcon trai anh LVHđều trình bày về lời khai bổ sung của chị CTY như sau:

Nhà 3 gian 2 trái anh LVHlấy là không đúng vì lúc đó di dân có rỡ nhà đi làm lán tạm cho bà LTA ở, sau đó hỏng hết không còn;

Hai con trâu bà LTA và anh LVH lấy nhưng sau đó bà Ành ốm cho bán đi để chăm sóc bà;

Tiền hỗ trợ lương thực và hỗ trợ sản xuất anh LVH lấy là không đúng, ông LVH không công nhận được lấy, anh chỉ lĩnh hộ mẹ là bà LTA;

Tiền cây cối lâu năm 42 triệu đồng và tiền hỗ trợ mặt nước 17 triệu đồng anh LVH không công nhận được lấy;

Tiền hỗ trợ đất ao 900m^2 và đất ở 400m^2 anh LVH công nhận được lấy vì lúc đó bà LTA ở với anh và bà đã chuyển sang cho anh, nhưng chưa được áp giá đền bù do kiểm đếm kê khai thiếu. Ngày 13/01/2016 anh LVH có đơn đề nghị xem xét đền bù bổ sung (anh LVH xuất trình tại phiên tòa đơn đề nghị ngày 13/01/2016).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị LTT, chị LTT đều trình bày hai chị là con gái của ông LVO, bà LTA, đối với số tiền đền bù đất của bà LTA để lại các chị yêu cầu được chia mỗi người một phần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh LVM và LVN đều trình bày các anh là con của mẹ CTY và bố LVH(chết năm 2006) đối với số tiền đền bù được chia nhất trí để cho mẹ là CTY nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh LVPvà LVN trình bày: Các anh là con của mẹ QVM, bố LVH(chết năm 2012), đối với số tiền đền bù đất của bà nội LTA để lại, các anh nhất trí không lấy để cho mọi người.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh QVT, chị QTT, chị QTT đều trình bày: Là con của Mẹ LTH(chết năm 1996) bố Quàng Văn Liên, đối với số tiền đền bù đất của bà ngoại LTA để lại cho bố là QVLnhận, anh QVLnhất trí ý kiến của ba con.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị LTH trình bày chị là con thứ ba của ông LVO, bà LTA, đối với số tiền đền bù đất của bà LTA để lại chị yêu cầu được chia một phần.

Chị LTH và anh LVG trình bày lời khai của chị CTY về việc hai vợ chồng chị được tham gia khi bà LTA còn sống cho chuyển nhượng đất, nhà cho chị CTY là không đúng vì chưa thấy bà Ành cho đất chị Uyn bao giờ và không tham gia như chị Uyn nói.

Chị LTH và anh LVG trình bày lời khai của chị CTY về việc đưa tiền cây cối lâu năm 42 triệu đồng và tiền hỗ trợ mặt nước 17 triệu đồng anh LVH có hai người biết. Chị LTH và anh LVG xác định không được thấy như chị Uyn nói, được biết lúc đó bà Ành còn sống đang ở với anh Hưởng chị Uyn đưa cho bà Ành.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định. Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 609, 610, 612, 649, 650, 651, 652, 658, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án: Về quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về thừa kế tài sản, được xác định là thừa kế theo pháp luật.

Chị CTY hiện đang giữ số tiền 108.995.000, đồng được xác định là di sản cần chia thừa kế, cụ thể thanh toán và phân chia di sản chia như sau:

108.995.000, đồng – 39.125.000, đồng (tiền chi phí cho việc mai táng trả cho anh Hưởng) = 69.870.000, đồng; còn lại 69.870.000, đồng: 8 phần = 8.733.750, đồng. Như vậy phần được hưởng di sản như sau:

Anh LVH; anh LVH; chị LTH; chị LTT; chị LTT; anh QVLmỗi người được hưởng 8.733.750, đồng.

Chị CTY được hưởng di sản là 8.733.750, đồng và 8.733.750, đồng chi phí cho việc bảo quản khối tài sản. Tổng cộng là 17.467.500, đồng

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần được chia theo quy định của pháp luật, như sau: Chị CTY phải chịu 873.000, đồng; anh LVH, anh LVH; chị LTT, chị LTT, chị LTH, anh QVLmỗi người phải chịu 436.600,đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh QVT, chị QTT, chị QTT, anh LVM và anh LVN vắng mặt nhưng trước đó họ đã có lời khai trực tiếp với Tòa án, đều có ủy quyền. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]. Xét về yêu cầu của các nguyên đơn anh LVH, LVH, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị LTT, chị LTT về yêu cầu chia số tiền đền bù đất, do các

đương sự cho rằng đây là tài sản chung để chia. Bị đơn chị CTY cho rằng đây là tài sản của chị được đền bù là không đúng vì: Vợ chồng ông LVO sinh 1934 và bà LTA sinh 1930 (tên gọi khác Lò Thị A) ở tại bản PC, xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Ông bà có được 8 người con gồm:

Chị Lò Thị Hom, sinh năm 1965, chết năm 1996;

Anh Lò Văn Hồng, sinh 1967, chết năm 2012;

Chị LTH, sinh 1972;

Anh LVH, sinh 1973;

Anh LVH, sinh 1975;

Anh Lò Văn Hương, sinh 1977, chết năm 2006;

Chị LTT, sinh 1980;

Chị LTT, sinh 1983.

Nguyên đơn anh LVH, LVH, bị đơn chị CTY, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị LTH, chị LTT, chị LTT, anh QVLđều công nhận nguồn gốc đất 31.716,1m^2 ở bản PC, xã CL, huyện ML, tỉnh SL mà chị CTY đứng tên nhận tiền đền bù là của ông LVO, bà LTA có trước khi chị CTY về làm dâu và ở cùng, chị CTY hiện đang giữ số tiền 108.995.040, đồng tiền đền bù đất. Lời xác nhận của các đương sự về nguồn gốc đất phù hợp với ý kiến của những người làm chứng tại phiên tòa gồm: Ông Lường Văn Quyết (nguyên là trưởng bản Phiêng Cại); ông Quàng Văn Piềng (nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã CL); ông Lò Văn Ngắm (già làng, người có uy tín); ông CVK (nguyên cán bộ xã CL trong ban kiểm đếm đền bù); ông Lường Văn Quyên (hàng xóm).

Chị CTY cho rằng diện tích đất 31.716,1m^2 đã được bà LTA chuyển nhượng cho khi làm thủ tục đền bù có sự tham gia của chị LTH và chồng là anh LVG. Tuy nhiên chị LTH và chồng là anh LVG lại không cộng nhận lời khai này của chị CTY, do đó không có đủ căn cứ chấp nhận lời khai này của chị CTY.

Về lời khai của chị CTY về việc đưa tiền cây cối lâu năm 42 triệu đồng và tiền hỗ trợ mặt nước 17 triệu đồng anh LVH tại phiên tòa chị LTH và anh LVG xác định không được thấy như chị Uyn nói, được biết lúc đó bà Ành còn sống đang ở với anh Hưởng chị Uyn đưa cho bà Ành, do đó không có đủ căn cứ chấp nhận lời khai này của chị CTY.

Tiền hỗ trợ lương thực và hỗ trợ sản xuất chị CTY cho rằng anh LVH lấy tuy nhiên ông LVH không công nhận được lấy, anh chỉ lĩnh hộ mẹ là bà LTA, do đó không có đủ căn cứ chấp nhận lời khai này của chị CTY.

Số đất 31.716,1m^2 là diện tích được thu hồi, sau khi trừ đi 9.408,8m^2 cấp đất mới tái định cư cho hộ chị CTY, số đất còn lại 22.707,3m^2 được Nhà nước trả tiền

hỗ trợ chênh lệch số tiền đền bù đợt 1 là 107.715.000, đồng; số tiền đền bù đợt 2 là 108.995.040, đồng.

Như vậy số đất 22.707,3m^2 là tài sản ông LVO, bà LTA có trước khi chết, sau này được nhà nước đền bù số tiền là 107.715.000, đồng + 108.995.040, đồng. Số tiền này được xác định là di sản cần chia thừa kế. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp về thừa kế tài sản.

Tranh chấp về thừa kế tài sản được xác định là thừa kế theo pháp luật do ông LVO, bà LTA chết đều không để lại di chúc.

[3]. Xác định những người thừa kế theo pháp luật: Ông LVO chết năm 2005, bà LTA chết năm 2013, chị LTHchết năm 1996; anh LVHchết năm 2012; anh LVHchết năm 2006.

Các con của ông LVO, bà LTA còn sống gồm 5 người: Chị LTH, anh LVH, anh LVH, chị LTT, chị LTT. Được xác định hàng thừa kế thứ nhất.

Những người thừa kế thế vị: Do những người con chết trước bà LTA gồm: Chị LTHchết năm 1996; anh LVHchết năm 2012; anh LVHchết năm 2006 thì các người con được hưởng một phần của bố, mẹ đã chết như sau:

Anh QVT, chị QTT, chị QTT là con đẻ của chị Lò Thị Hom, nên được hưởng một phần của mẹ Lò Thị Hom;

Anh LVPvà LVN là con đẻ của anh Lò Văn Hồng, nên được hưởng một phần của bố Lò Văn Hồng;

Anh LVM và LVN là con đẻ của anh LVHđược hưởng một phần của bố Lò Văn Hương.

[4]. Về xác định di sản của LTA để lại:

Số tiền đền bù đợt 1 là 107.715.000, đồng và số tiền đền bù đợt 2 là 108.995.000, đồng. Số tiền đền bù đợt 1 là 107.715.000, đồng đã được mọi người phân chia xong và đều nhất trí không yêu cầu phân chia lại.

[5]. Về thanh toán và phân chia di sản:

Chi phí cho việc mai táng bà LTA các đương sự đều xác định là 39.125.000, đồng được trả cho anh LVH.

Chi phí cho việc bảo quản khối tài sản trước khi bà LTA chết được xác định chủ yếu do chị CTY là con dâu ở chung với bố mẹ chồng, nên cần trả một phần cho chị CTY bằng một phần thừa kế.

Hai cháu LVM và LVN đều xác định phần di sản được chia để lại cho chị CTY được hưởng, cần chấp nhận.

Anh QVT, chị QTT, chị QTT đều xác định phần di sản được chia để lại cho bố QVLđược hưởng, cần chấp nhận.

Anh LVPvà anh LVN được hưởng một phần của bố Lò Văn Hồng, hai anh đầu xác nhận không lấy để lại cho mọi người, cần chấp nhận.

Như vậy trừ đi phần của anh LVPvà anh LVN được hưởng một phần của bố LVHnhưng không nhận thì còn lại 8 phần.

Chị CTY hiện đang giữ số tiền 108.995.000, đồng được xác định là di sản cần chia thừa kế, cụ thể thanh toán và phân chia di sản chia như sau:

108.995.000, đồng – 39.125.000, đồng (tiền chi phí cho việc mai táng) = 69.870.000, đồng;

69.870.000, đồng: 8 phần = 8.733.750, đồng.

Như vậy phần được hưởng di sản như sau:

Anh LVH 8.733.750, đồng;

Anh LVH 8.733.750, đồng;

Chị CTY được hưởng di sản 8.733.750, đồng và 8.733.750, đồng chi phí cho việc bảo quản khối tài sản. Tổng cộng là 17.467.500, đồng.

Chị LTH 8.733.750, đồng;

Chị LTT 8.733.750, đồng;

Chị LTT 8.733.750, đồng.

Anh QVL8.733.750, đồng.

Từ những đánh giá nhận định trên, căn cứ quy định của các Điều 609, 610, 612, 649, 650, 651, 652, 658, 660 của Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc Chị CTY phải thanh toán trả cho (số tiền được làm tròn):

Anh LVH 8.733.000, đồng và 39.125.000, đồng (tiền chi phí cho việc mai táng). Tổng cộng là 47.858.000, đồng;

Anh LVH 8.733.000, đồng;

Chị LTH 8.733.000, đồng;

Chị LTT 8.733.000, đồng;

Chị LTT 8.733.000, đồng;

Anh QVL8.733.000, đồng.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần được chia theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 612, 649, 650, 651, 652, 658, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Buộc chị CTY phải thanh toán trả phần hưởng di sản cho:

Anh LVH 8.733.000, đồng (tám triệu bẩy trăm ba mươi ba nghìn đồng) và 39.125.000, đồng (ba mươi chín triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền chi phí cho việc mai táng. Tổng cộng là 47.858.000, đồng (bốn mươi bẩy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng);

Anh LVH 8.733.000, đồng (tám triệu bẩy trăm ba mươi ba nghìn đồng);

Chị LTH 8.733.000, đồng (tám triệu bẩy trăm ba mươi ba nghìn đồng);

Chị LTT 8.733.000, đồng (tám triệu bẩy trăm ba mươi ba nghìn đồng);

Chị LTT 8.733.000, đồng (tám triệu bẩy trăm ba mươi ba nghìn đồng);

Anh QVL8.733.000, đồng (tám triệu bẩy trăm ba mươi ba nghìn đồng);

Thời hạn trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Chị CTY được hưởng chi phí cho việc bảo quản khối tài sản là 8.733.000, đồng (tám triệu bẩy trăm ba mươi ba nghìn đồng) và phần được hưởng di sản 8.733.000, đồng (tám triệu bẩy trăm ba mươi ba nghìn đồng). Tổng cộng là 17.466.000, đồng (mười bẩy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

3. Về án phí:

Chị CTY phải chịu 873.000, đồng (tám trăm bẩy mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh LVH phải chịu 436.600,đồng (bốn trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho anh LVH 913.400, đồng (chín trăm mười ba nghìn bốn trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000923 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Anh LVH phải chịu 436.600,đồng (bốn trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 375.000, đồng (ba trăm ba trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000922 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL. Anh LVH còn phải nộp tiếp là 61.600, đồng (sáu mươi mốt nghìn sáu trăm đồng).

Chị LTT phải chịu 436.600,đồng (bốn trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị LTT phải chịu 436.600,đồng (bốn trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Chị LTH phải chịu 436.600,đồng (bốn trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh QVLphải chịu 436.600,đồng (bốn trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 13/6/2019. Báo cho các đương sự vắng mặt anh QVT, chị QTT, chị QTT, anh LVM và anh LVN biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự (8);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn